

Bản án số: **04/2019/HS - ST**

Ngày: 16- 01- 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân:- Ông Hoàng Minh Phương

- Ông Cao Đức Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quảng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại – Kiểm sát viên sơ cấp .

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 139/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thanh L**; Tên gọi khác: L Lin, sinh ngày: 06/10/1978; Tại xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An. Trú quán: Xóm 8, Y, huyện D, tỉnh Nghệ An; - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Thanh V (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; Vợ: Phan Thị T sinh năm 1979 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2004; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, cụ thể tại theo bản án 126/2015/HS-ST ngày 03/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 15 tháng tù về các tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích; Nhân thân năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2018. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Cao Xuân S**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/8/1972; Tại xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An. Trú quán: Xóm 17, xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Cao Xuân T (chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1950; Có vợ: Trần Thị H, sinh năm 1976; Con: Có 01 con, sinh năm 2007; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, cụ thể ngày 26/6/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 42 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện

giao thông đường bộ" theo bản án số 19/2014/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 01/12/2016; Bị cáo áp dụng Lệnh cấm khỏi đi nơi cư trú từ ngày 08/6/2018, tại xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị hại:* Anh Phạm Đức T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 2, đô thị Q, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Đức T, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn S, xã S, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt)

2. Phan Duy T, sinh năm 1991. (Có mặt)

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. (Có mặt)

Đều trú tại: Xóm T, xã H, huyện D, Nghệ An.

4. Lê Đức D, sinh năm 1995; Trú tại: Xóm 17, xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

5. Lê Cao C, sinh năm 1983; Trú tại: Xóm 8, xã Y, huyện D, Nghệ An. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

3. Anh Đàm Văn Q, sinh 1989; Trú tại: Đội P, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

4. Anh Đàm Văn T, sinh 1998; Trú tại: Đội P, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt)

5. Anh Phan Văn T sinh năm 1972; Trú quán: Xóm M, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

6. Anh Đàm Đình M. Sinh 1985; Trú tại: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

7. Bà Tạ Thị V, sinh năm 1969: Trú tại: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

8. Nguyễn Ngọc Q, sinh 1992: Trú quán: Trú tại: xóm 12, xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2016, Lê Thanh L lập ra bãi tự phát 36 là khu đất thuộc xóm 2, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An. L thuê Cao Xuân S (sinh năm 1972; trú: xóm 17, xã Y, huyện D, tỉnh Nghệ An) giúp việc cho mình. Mục đích lập bãi 36 của L là để ép buộc các nhà xe mua bán cá ở các tỉnh phía Bắc vào bãi để giao dịch mua bán cá và nộp tiền cho L. L quy định mỗi xe bán cá mỗi tháng phải đóng cho Long từ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), xe mua cá mỗi tháng phải đóng 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Thấy việc ép buộc của L là

vô lý nên anh Phạm Đức T (sinh năm: 1983; trú: khu 2, đô thị G, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương) và em trai là Phạm Đức T và khách hàng của anh T là vợ chồng anh CH ở huyện Đô Lương không vào bãi 36. L đã liên tục gọi điện thoại cưỡng ép, đe dọa anh T nếu không vào sẽ đánh đập, không cho làm ăn ở đất Nghệ An.

Mặc dù L gọi điện thoại đe dọa nhiều lần nhưng anh T không chịu vào bãi 36 để L thu tiền, đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/02/2017 Phan Duy T, Nguyễn Văn N cùng trú tại xóm T và Lê Đức D đi tìm anh T, T, N, D đồng ý. Mục đích của L để đe dọa, ép buộc vào bãi 36 để đóng tiền cho L, nếu không vào bãi hàng tháng cũng phải đóng tiền cho L. Khi gặp anh T, em trai anh T đang bán cá cho vợ chồng anh CH và vợ chồng anh TN (trú tại thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An) tại bãi đất trống cạnh nhà hàng Tú Cụt thuộc xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu thì L cùng Trường, N, D xuống xe ô tô, đi đến vị trí anh T, L dùng chân đá một cái mạnh vào đầu anh T làm anh T bị choáng váng ngồi xồm xuống đất thì L đâm đá túi bụi vào đầu, vào người anh T. Còn T, N, D đứng xung quanh anh T. Bị đâm đá túi bụi nên anh T ôm đầu van xin và nói "Em chỉ là người làm thuê cho anh T" thì L dừng lại không đánh nữa và đe dọa nếu không vào bãi 36 bán cá thì không cho làm ăn ở đất Nghệ An, đồng thời nói với T là "Mi nói thẳng T điện thoại cho tau", L tiếp tục hăm dọa vợ chồng anh CH "Bây coi đó mà sống". Sau đó nhóm của L ra về. Sau khi bị L đánh thì anh T điện thoại báo cho anh T biết sự việc bị L đe dọa uy hiếp nói trên. Sau khi về Phan duy T, Nguyễn Văn N, Lê Đức D mới biết việc L ép anh T vào bãi 36 để thu tiền bãi nên không tham gia đi cùng L.

Những ngày sau đó L thường xuyên gọi điện cho anh T, T và vợ chồng anh CH để đe dọa, ép buộc phải vào bãi 36 bán cá nếu không sẽ không cho làm ăn ở đất Nghệ An. Đồng thời cùng với việc gọi điện thoại, hàng ngày vào lúc từ 20 giờ đến 23 giờ, biết đây là khoảng thời gian xe của anh T vào Nghệ An bán cá cho vợ chồng anh CH nên nhóm của L đi trên ô tô bán tải màu trắng biển số 37C-21689 tìm nơi anh xe anh T bán cá cho vợ chồng anh CH ngăn cấm, đe dọa không cho mua bán. Anh T, T và chồng anh CH lo sợ bị đánh đập phải thay đổi địa điểm mua bán liên tục.

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/7/2017, L bàn với S đi tìm anh T, anh Th để đe dọa ép buộc vào vào bãi 36 để đóng tiền cho L, L rủ Nguyễn Ngọc Q (Sinh năm: 1992; Trú tại: xóm 12, xã Y, huyện Diễn Châu). S và Q đồng ý. Khi gặp anh Th đang bán cá cho vợ chồng anh CH và vợ chồng anh HV tại đường N5, đoạn giao nhau với quốc lộ 1A tại xã L, huyện L, tỉnh Nghệ An thì L và Q xuống trước, S lái xe đậu chặn trước đầu xe anh T. Lg cùng S và Q đến, L nói "Ai cho bây mua bán cá ở đây" và đe dọa anh T từ nay không được bán cá cho vợ chồng anh CH nữa. Sau đó, L dùng tay tát một cái vào mặt chị H một cái, thấy vợ bị L đánh, anh C nói "Chú đừng mần kiêu nớ, sao chú đánh phụ nữ", S đứng hỗ trợ cho L (Mục đích nếu anh Th và vợ chồng anh CH có phản ứng chống lại thì sẽ đánh lại) rồi đe dọa chị H, còn Q đứng phía sau không nói gì. Anh T và vợ chồng anh cảnh H bị L và S đe dọa, uy hiếp nên tinh thần sợ hãi. Sau đó nhóm của L lên xe ô tô đi ra về.

Sau khi đánh chị H, L thường xuyên gọi điện đe dọa, ép buộc anh Th, Th và vợ chồng anh CH phải vào bãi mua bán cá, nếu không sẽ không cho làm ăn ở đất Nghệ An, sẽ đánh đập tiếp và yêu cầu Th phải vào bãi 36 nói chuyện. Khoảng 06 giờ sáng ngày 14/7/2017, khi anh Th và phụ xe tên M đang trên đường từ Vinh về Hải Dương thì nhận được điện thoại của L yêu cầu vào bãi 36 nói chuyện, lúc đó anh Th nghĩ nếu không gặp thì L thì L sẽ đánh đập và cản trở đường làm ăn nên anh Th vào bãi 36 gặp Long. Tại đây, L yêu cầu anh Th phải vào bãi bán cá, nếu không vào bãi thì cũng phải đóng tiền mỗi tháng 6000.000 đồng (sáu triệu đồng), từ ngày 01 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7 âm lịch. Trong hoàn cảnh đó, anh Th buộc phải miễn cưỡng đồng ý hàng tháng giao nộp cho L 6000.000 đồng (sáu triệu đồng). Sau đó anh Th kể chuyện L bắt Th phải đưa tiền cho anh CN, anh C nói Th mỗi tháng chỉ đóng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng thôi. Anh Th gọi điện xin L đóng mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và L đã đồng ý. Từ đó do muốn yên ổn làm ăn nên anh Th bắt đầu đóng tiền cho L, cụ thể các lần anh Th đóng tiền cho L như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 22/8/2017 (Tức từ ngày 01/7/2017 âm lịch), khi anh Th và phụ xe tên M đang chạy xe vào Vinh chuẩn bị đi qua bãi 36 thì nhận được điện thoại của L yêu cầu đến đóng tiền, anh Th nói với L đi bộ ra ngoài đường trước bãi 36, đưa qua dải phân cách Quốc lộ 1A. Đến nơi anh Th dừng xe lại lấy 2.500.000 đồng rồi xuống xe đưa qua dải phân cách cho L. L cầm tiền rồi đi vào bãi. Tiếp đó lần gồm các tháng 9, 10, 11, 12 năm 2017 và tháng 01, 02 năm 2018, không thấy anh Th đóng tiền, L điện thoại và yêu cầu anh Th đóng tiền, do anh Th không vào bãi nên anh Th nhờ chị H đưa cho anh Đàm Văn Q để nhờ anh Q đưa vào bãi 36 cho Long. Tổng số tiền anh T nhờ Q đóng cho L là 06 lần, mỗi lần là 2.000.000 đồng, tổng số tiền anh Q đưa cho L là 12.000.000 đồng.

Sau đó, vào khoảng 21 giờ ngày 21/3/2018, anh Đàm Văn T (em trai anh Q) đang bán cá tại bãi 36 thì Long nói với T là cho Th mượn 2.000.000 đồng đóng tiền tháng, anh T nói với L điện cho anh T đi rồi em đưa. Nghe truyền nói vậy L lấy điện thoại điện cho anh T yêu cầu đóng tiền tháng 3/2018. Sau đó L đưa điện thoại cho anh T nói chuyện với anh T, anh T nhờ T đưa cho anh L 2.000.000 đồng, anh T đồng ý đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà anh T đã đóng cho L từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2018 là 16.500.000 đồng

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ tại bãi 36 của L gồm:

+ 02 (Hai) ống tuýp dài 80cm, phi 21, được làm bằng kim loại; 01 (Một) con dao mổ dài 45cm, cán dao làm bằng gỗ dài 10cm, hai đầu cán dao được bọc bằng kim loại màu vàng; 01 (Một) con dao dài 30cm, cán dao dài 10cm được làm bằng gỗ; 01 (Một) con dao dài 50cm được làm bằng kim loại, cán dao được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao dài 100cm được làm bằng kim loại, cán dao dài 35cm được làm bằng tip nước nước được bọc dán màu đen. Các hung khí này là của Long sử dụng trong hoạt động của bãi 36.

+ Một cuốn sổ ghi chép có bìa màu xám trắng, khổ A6, qua kiểm tra không liên quan đến vụ án.

+ Số tiền 16.500.000 đồng do L tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả.

+ 01 cuốn sổ ghi chép có bìa màu xám trắng, khổ A6 qua kiểm tra không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- Về dân sự: Bị cáo Lê Thanh L và Cao Xuân S đã tự nguyện nộp bồi thường cho bị hại Phạm Đức Th số tiền 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) anh Th đã nhận lại khoản tiền đầy đủ. Anh Th không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 30/10/2018 của VKSND huyện Diễn Châu đã truy tố bị cáo Lê Thanh Long và Cao xuân Sơn về tội “Cưỡng Đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện Diễn Châu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170 BLHS, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Thanh L mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 170 BLHS, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Cao Xuân S mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại. Người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Cứ vào Điều 47BLHS năm 2015, Điều 106BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) ống tuýp dài 80cm, phi 21, được làm bằng kim loại; 01 (Một) con dao mọo dài 45cm, cán dao làm bằng gỗ dài 10cm, hai đầu cán dao được bọc bằng kim loại màu vàng; 01 (Một) con dao dài 30cm, cán dao dài 10cm được làm bằng gỗ; 01 (Một) con dao dài 50cm được làm bằng kim loại, cán dao được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao dài 100cm được làm bằng kim loại, cán dao dài 35cm được làm bằng tip nước nước được bọc dán màu đen. Các hung khí này là của L sử dụng trong hoạt động của bãi 36 không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội buộc các bị cáo chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Diễn Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua quá trình xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh L và Cao Xuân S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị hại, Người làm chứng, các chứng cứ có tại hồ sơ Tòa án. Do đó, có căn cứ xác định Thời gian từ tháng 2 năm 2017 đến tháng 3/2018, Lê Thanh L và Cao Xuân S đã sử dụng thủ đoạn đe dọa, uy hiếp anh Phạm Đức T là người có xe bán cá phải vào bãi 36 của L tại xóm 2, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An hoặc không vào bãi hàng tháng cũng phải nộp tiền số tiền từ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2018, Lê Thanh L đã chiếm đoạt của anh Phạm Đức T với tổng số tiền 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh L và Cao Xuân S có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các nhân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã đe dọa dùng vũ lực đối với người bị hại, buộc bị hại phải nộp một khoảng tiền hàng tháng trái ý muốn cho các bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 170 BLHS. Vụ án có đồng phạm nhưng chỉ mang tính chất giảm đơn, nhưng cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để lên cho các bị cáo một mức án tương xứng hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3]. Bị cáo Lê Thanh L là người khởi xướng, lôi kéo bị cáo Cao Xuân S trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bản thân bị cáo sinh sống tại địa phương cũng đã có thành tích giúp công an xã Y trong việc cung cấp thông tin tội phạm được Công an xã Y xác nhận, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS. Tuy nhiên bị cáo Lê Thanh L là người khởi xướng, lôi kéo bị cáo Cao Xuân S trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần lên một mức án cao hơn bị cáo Cao Xuân S.

[5]. Đối với bị cáo Cao Xuân S là đồng phạm trong vụ án nhưng hành vi thực hành của S ở mức độ thấp, nhưng S cũng đã từng bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, chấp hành xong ra trại bị cáo không cải tạo mình cho tốt, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS). Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là, đầu thú, thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo cũng đã có thành tích trong việc cung cấp thông tin tội phạm cho Công an xã Y, được Công an xã Y xác nhận, các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm b, s

khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS. Tuy nhiên bị cáo là người bị Nguyễn Thanh L lôi kéo, do đó, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Trong vụ án này có Phan Duy T, Nguyễn Văn N, Lê Đức D, trong ngày 06/02/2017 có tham gia đi cùng L để đe dọa anh T vào bãi 36 để nộp tiền cho L, nhưng T, N, D không biết mục đích của Long là đe dọa để cưỡng đoạt tài sản của anh Thuận nên không đủ cơ sở xử lý hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thanh L và Cao Xuân S không công việc làm ổn định, không có thu nhập, gia đình không có tài sản để đảm bảo thi hành án. Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại đầy đủ. Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về vật chứng vụ án: Cứ vào Điều 47BLHS năm 2015, Điều 106BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) ống tuýp dài 80cm, phi 21, được làm bằng kim loại; 01 (Một) con dao mổ dài 45cm, cán dao làm bằng gỗ dài 10cm, hai đầu cán dao được bọc bằng kim loại màu vàng; 01 (Một) con dao dài 30cm, cán dao dài 10cm được làm bằng gỗ; 01 (Một) con dao dài 50cm được làm bằng kim loại, cán dao được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao dài 100cm được làm bằng kim loại, cán dao dài 35cm được làm bằng tip nước nước được bọc dán màu đen. Các hung khí này là của Long sử dụng trong hoạt động của bãi 36 không có giá trị sử dụng.

[10]. Về án phí: Bị cáo Lê Thanh L và Cao Xuân S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 170 BLHS, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h, Điều 52 BLHS. Xử phạt:

1. Lê Thanh L 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ tạm giam là từ ngày 02/6/2018.

2. Cao Xuân S 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) ống tuýp dài 80cm, phi 21, được làm bằng kim loại; 01 (Một) con dao mổ dài 45cm, cán dao làm bằng gỗ dài 10cm, hai đầu cán dao được bọc bằng kim loại màu vàng; 01 (Một) con dao dài 30cm, cán dao dài 10cm được làm bằng gỗ; 01 (Một) con dao dài 50cm được làm bằng kim loại, cán dao được quấn bằng

dây dù; 01 (Một) con dao dài 100cm được làm bằng kim loại, cán dao dài 35cm được làm bằng tít nước nước được bọc dán màu đen. Không có giá trị sử dụng. Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2018 và phiếu nhập kho số 17 ngày 31/10/2018.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thanh Long và Cao Xuân Sơn mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Diên Châu;
- THADS;
- VKS tỉnh Nghệ An.
- Lưu VP, HS;
- Người tham gia tố tụng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Phương

Nguyễn Thị Dung

Nguyễn Đình Lâm